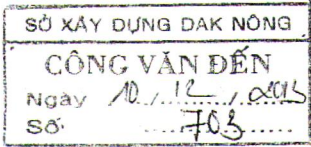


QUYẾT ĐỊNH



Về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;
Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về Quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 13/2007/TT-BXD ngày 31/12/2007 của Bộ Xây dựng về việc Quản lý chất thải rắn do Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn một số điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 17/8/2011 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ - dự toán Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2011-2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 848/TTr-SXD ngày 30/8/2013 và Công văn số 1117/SXD-HTKT ngày 05/11/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án Quy hoạch quản lý chất thải rắn (CTR) trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, với các nội dung như sau:

1. Mục tiêu quy hoạch:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

- Đề ra chiến lược quản lý tổng hợp chất thải rắn trên địa bàn toàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025; huy động và tập trung các nguồn lực tham gia đầu tư vào lĩnh vực xử lý chất thải rắn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự phát triển bền vững.

- Xây dựng hệ thống quản lý CTR hiện đại; CTR được phân loại tại nguồn, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến,

hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất và hạn chế gây ô nhiễm môi trường. CTR nguy hại được quản lý và xử lý triệt để theo các phương thức phù hợp.

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý tổng hợp CTR, hình thành lối sống thân thiện với môi trường. Thiết lập các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng, tài chính và nguồn nhân lực cho quản lý tổng hợp CTR.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 1: Từ năm 2013 đến năm 2017:

- + 100% địa phương cấp huyện có bãi rác hợp vệ sinh.
- + 88% tổng lượng CTR sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 66% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ.
- + 46% tổng lượng CTR sinh hoạt nông thôn phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, trong đó 52% được tái chế, tái sử dụng.
- + 58% lượng chất thải xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom xử lý, trong đó 36% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế.
- + 18% bùn bở phốt của các đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.
- + Giảm 49% khối lượng túi ni lon sử dụng tại các siêu thị và trung tâm thương mại so với năm 2010.
- + 60% các đô thị có công trình tái chế CTR thực hiện phân loại tại hộ gia đình.
- + 84% khối lượng CTR công nghiệp không nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 70% được thu hồi để tái sử dụng và tái chế.
- + 68% tổng lượng CTR nguy hại phát sinh tại các khu công nghiệp được xử lý đảm bảo môi trường.
- + 88% lượng CTR y tế không nguy hại và 76% lượng CTR y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

b) Giai đoạn 2: Từ năm 2018 đến năm 2025

- + 100% tổng lượng CTR sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 90% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ.
- + 70% tổng lượng CTR sinh hoạt nông thôn phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, trong đó 60% được tái chế, tái sử dụng
- + 90% lượng CTR xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom xử lý, trong đó 60% được thu hồi để tái sử dụng hoặc tái chế.
- + 50% bùn bở phốt của các đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.
- + Giảm 85% khối lượng túi ni lon sử dụng tại các siêu thị và trung tâm thương mại so với năm 2010.
- + 100% khối lượng CTR công nghiệp không nguy hại và nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

+ 100% lượng CTR y tế không nguy hại và nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

2. Dự báo khối lượng phát thải chất thải rắn

- Đến năm 2017, lượng CTR phát sinh là 502,14 Tấn/ngày, trong đó: CTR sinh hoạt là 434 Tấn/ngày; CTR công nghiệp là 66,5 Tấn/ngày và CTR y tế là 1,64 Tấn/ngày.

- Đến năm 2025, lượng CTR phát sinh là 832,30 Tấn/ngày, trong đó: CTR sinh hoạt là 638,86 Tấn/ngày; CTR công nghiệp là 189,9 Tấn/ngày và CTR y tế là 3,54 Tấn/ngày.

3. Quy hoạch hệ thống phân loại - thu gom - vận chuyển CTR

* CTR sinh hoạt:

- Phân loại tại nguồn: CTR sinh hoạt được phân loại tại nguồn (các hộ gia đình, tổ chức,..) thành 03 loại gồm: chất thải hữu cơ, chất thải có thể tái chế và không tái chế.

- Quy trình thu gom:

+ Ở đô thị: phân loại rác tại nguồn đối với tất cả các hộ có CTR sinh hoạt. Thu gom thủ công hàng ngày đến điểm trung chuyển. Vận chuyển cơ giới đến khu phân loại và xử lý tập trung.

+ Ở khu dân cư nông thôn: thu gom thủ công hàng ngày hoặc cách ngày đến điểm tập kết, trung chuyển, vận chuyển cơ giới đến bãi chôn lấp.

* CTR công nghiệp:

- Phân loại CTR: CTR công nghiệp phải được phân loại tại xí nghiệp hoặc khu công nghiệp, cụm công nghiệp; được phân loại thành CTR có thể tái chế, tái sử dụng, CTR có thể chế biến phân vi sinh, CTR chôn lấp và CTR nguy hại.

- Thu gom, vận chuyển: đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thì việc thu gom, vận chuyển tuân theo quy chế quản lý CTR của khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đối với các cơ sở sản xuất ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp thì tự tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển bằng cách ký kết hợp đồng với đơn vị được cấp phép thu gom, vận chuyển CTR.

* CTR y tế:

- CTR tại các cơ sở y tế bao gồm: chất thải sinh hoạt tại bệnh viện, chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế tại các cơ sở y tế khác.

- CTR y tế tại tất cả cơ sở y tế đều thực hiện phân loại tại nguồn, sau khi phân loại được thu gom và chuyển tới khu vực lưu chứa chất thải của bệnh viện, hoặc khu xử lý. Quy trình cụ thể như sau:

+ CTR sinh hoạt tại cơ sở y tế sau khi phân loại tại nguồn được thu gom và chuyển tới khu chôn lấp, xử lý cùng với CTR sinh hoạt đô thị.

+ CTR y tế nguy hại: đối với các bệnh viện lớn cần xây dựng lò đốt riêng để xử lý chất thải nguy hại. Đối với các cơ sở y tế riêng lẻ thì thu gom bằng phương tiện chuyên dùng chuyển tới lò đốt chất thải y tế đặt tại các bãi xử lý chất thải tập trung.

- Thực hiện việc quản lý chất thải y tế theo Quy chế quản lý chất thải y tế được ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

4. Quy hoạch khu xử lý Chất thải rắn đến năm 2025.

4.1 Quy hoạch các khu xử lý CTR giai đoạn 1 từ nay đến năm 2017:

- Đối với CTR thông thường: tổng số khu xử lý dự kiến xây dựng trong toàn tỉnh là 09 khu xử lý và 03 nhà máy xử lý CTR, cụ thể như sau:

TT	Tên Khu xử lý CTR	Quy mô (ha)	Công suất(tấn/ngày)
I	Khu vực thị xã Gia Nghĩa		
1	Khu xử lý CTR Xã Đăk Nĩa	15	52,06 - 73,22
2	Nhà máy xử lý CTR xã Đăk Nĩa	25	
II	Khu vực huyện Krông Nô		
1	Khu xử lý CTR Xã Buôn Choah	20	22,68 - 39,62
III	Khu vực huyện Cư Jut		
1	Khu xử lý CTR Xã Cư Knia	20	78,83 - 113,55
2	Nhà máy xử lý CTR xã Nam Dong	3,5	
IV	Khu vực huyện Đăk Song		
1	Khu xử lý CTR Xã Nam Njang	10	27,53 - 47,36
V	Khu vực huyện Đăk Mil		
1	Khu xử lý CTR Xã Đăk Lao	7,7	60,37 - 90,12
VI	Khu vực huyện Đăk R'Lấp		
1	Khu xử lý CTR Thị trấn Kiến Đức	15	37,34 - 56,36
2	Nhà máy xử lý CTR (có chất thải nguy hại) xã Đăk Ru	15	
VII	Khu vực huyện Đăk Glong		
1	Khu xử lý CTR Xã Quảng Khê	15	17,78 - 29,28
VIII	Khu vực huyện Tuy Đức		
1	Khu xử lý CTR Xã Quảng Tâm	20	21,38 - 37,13
IX	Khu vực huyện Đức Xuyên		
1	Khu xử lý CTR Xã Đăk Ha	15	7,52-16,35

- Đối với chất thải y tế, tổng số lò đốt dự kiến xây dựng trong toàn tỉnh là 08 lò đốt tại bệnh viện trung tâm các huyện, thị xã cụ thể như sau:

TT	Tên Khu xử lý CTR nguy hại	Công suất(tấn/ngày)
1	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk Nông	0,11
2	Lò đốt CTR nguy hại BV Krông Nô	0,02
3	Lò đốt CTR nguy hại BV Cư Jut	0,03
4	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk Mil	0,03
5	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk Song	0,02
6	Lò đốt CTR nguy hại BV Tuy Đức	0,02
7	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk R Lấp	0,03
8	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk Glong	0,02

4.2 Quy hoạch các khu xử lý CTR giai đoạn 2 từ 2018 đến năm 2025:

Đối với CTR thông thường: tổng số khu xử lý dự kiến xây dựng trong toàn tỉnh là 11 khu xử lý và 04 nhà máy xử lý CTR, cụ thể như sau:

TT	Tên Khu xử lý CTR	Quy mô (ha)	Công suất(tấn/ngày)
I	Khu vực thị xã Gia Nghĩa		
1	Khu xử lý CTR Xã Đăk Nĩa	15	115,05 - 123,26
2	Nhà máy xử lý CTR xã Đăk Nĩa	25	
II	Khu vực huyện Krông Nô		
1	Khu xử lý CTR Xã Buôn Choah	20	53,25-64,80
III	Khu vực huyện Cư Jut		
1	Khu xử lý CTR Xã Cư Knia	20	153,49-171,94
2	Nhà máy xử lý CTR xã Nam Dong	3,5	
IV	Khu vực huyện Đăk Song		
1	Khu xử lý CTR Xã Nam Njang	15	52,55-64,32
V	Khu vực thị xã Đức Lập		
1	Khu xử lý CTR Xã Đăk Lao	7,7	74,64-84,39
2	Nhà máy xử lý CTR xã Đăk Lao	8	
VI	Khu vực thị xã Kiến Đức		
1	Khu xử lý CTR Thị trấn Kiến Đức	15	59,92-68,24
VII	Khu vực huyện Đăk Glong		
1	Khu xử lý CTR Xã Quảng Khê	15	39,00-46,12
VIII	Khu vực huyện Tuy Đức		
1	Khu xử lý CTR Xã Quảng Tâm	20	50,5-60,92
IX	Khu vực huyện Đức Xuyên		
1	Khu xử lý CTR Xã Đăk Ha	15	19,42-25,27
X	Khu vực huyện Đăk Mil (dự kiến)		
1	Khu xử lý CTR Xã Đăk Rla	15	27,07-35,17
XI	Khu vực huyện Đăk Rlấp(dự kiến)		
1	Khu xử lý CTR (có chất thải nguy hại)xã Đăk Ru	15	78,9- 84,52
2	Nhà máy xử lý CTR xã Đăk Ru		

- Đối với chất thải y tế, tổng số lò đốt dự kiến xây dựng trong toàn tỉnh là 11 lò đốt tại bệnh viện trung tâm các huyện, thị xã, cụ thể như sau:

TT	Tên Khu xử lý CTR nguy hại	Công suất(tấn/ngày)
1	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk Nông	0,20
2	Lò đốt CTR nguy hại BV Krông Nô	0,03
3	Lò đốt CTR nguy hại BV Cư Jut	0,05

4	Lò đốt CTR nguy hại BV Đức Lập	0,08
5	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk Song	0,03
6	Lò đốt CTR nguy hại BV Tuy Đức	0,03
7	Lò đốt CTR nguy hại BV Kiến Đức	0,08
8	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk Glong	0,03
9	Lò đốt CTR nguy hại BV Đức Xuyên	0,03
10	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk Rlấp	0,03
11	Lò đốt CTR nguy hại BV Đăk Mil	0,03

4.3 Định hướng công nghệ xử lý CTR

- Áp dụng các công nghệ xử lý hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam, giảm thiểu tối đa lượng CTR cần chôn lấp. Các công nghệ có thể áp dụng là: tái chế, tái sử dụng; chế biến; đốt; chôn lấp hợp vệ sinh.

- Tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải, đặc biệt đối với chất thải công nghiệp.
- Đối với CTR hữu cơ, áp dụng phương pháp chế biến thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp bằng dây chuyền công nghệ hiện đại, đồng bộ.

- Đối với chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải y tế, xử lý bằng phương pháp đốt với các lò đốt hiện đại.

- Chỉ chôn lấp các chất tro không thể tái chế, tái sử dụng và phân tro, xỉ còn lại của quá trình đốt chất thải nguy hại. Các ô chôn lấp phải đạt tiêu chuẩn chôn lấp hợp vệ sinh theo Tiêu chuẩn Việt Nam.

5. Kế hoạch và nguồn lực thực hiện

5.1. Lộ trình thực hiện: Chia làm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 từ nay đến năm 2017: Hoàn thành xây dựng 09 khu xử lý chất thải rắn theo quy hoạch với tổng công suất từ 274,35 – 527,80 tấn/ngày

- Giai đoạn 2 từ năm 2018 đến năm 2025: Tiếp tục cải tạo nâng cấp và bổ sung hoàn thiện 11 khu xử lý CTR theo quy hoạch với tổng công suất từ 723,79 – 926,33 tấn/ngày.

5.2. Nguồn lực thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện quy hoạch: 458 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn đầu tư của ngân sách (TW và địa phương) : 167,4 tỷ đồng

+ Vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, hợp tác xã : 90,6 tỷ đồng

+ Vốn ODA của Ngân hàng phát triển Châu á (ADB) và các tổ chức tín dụng khác: 110 tỷ đồng.

* Nhu cầu kinh phí giai đoạn 1 từ năm 2013 đến năm 2017 là: 196,4 tỷ đồng, bao gồm:

+ Vốn đầu tư của ngân sách (TW và địa phương) : 80,4 tỷ đồng

+ Vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, hợp tác xã: 76 tỷ đồng

+ Vốn ODA của Ngân hàng phát triển Châu á (ADB) và các tổ chức tín dụng khác: 40 tỷ đồng.

* Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2 từ năm 2018 đến năm 2025 là : 261,6 tỷ đồng, bao gồm:

+ Vốn đầu tư của ngân sách (TW và địa phương) : 87 tỷ đồng

+ Vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, hợp tác xã : 104,6 tỷ đồng

+ Vốn ODA và vay từ các tổ chức tín dụng khác: 70 tỷ đồng.

(Có bảng tổng hợp dự trù kinh phí quy hoạch quản lý CTR trên địa bàn tỉnh Đắc Nông đến năm 2025 kèm theo)

5.3. Cơ chế thực hiện quy hoạch:

- Nhà nước quản lý bằng chủ trương và chính sách; khuyến khích và huy động mọi nguồn vốn của cộng đồng, xã hội vào quản lý CTR; Ưu đãi đầu tư để đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác quản lý CTR ở các khâu thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Cộng đồng là chủ thể thực hiện công tác quản lý CTR.

- Doanh nghiệp (tổ chức) tham gia quản lý CTR thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, chịu sự giám sát của cộng đồng và kiểm tra của nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện quy hoạch quản lý CTR trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, là đầu mối phối hợp với các sở, ngành và các huyện xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch đến năm 2025.

- Thẩm định quy hoạch xây dựng các khu xử lý CTR, kiểm tra, giám sát việc xây dựng theo quy hoạch.

- Phối hợp với UBND các huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập danh mục dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên để bố trí vốn (ngân sách, vốn ODA và các nguồn vốn khác theo chủ trương xã hội hóa).

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng Quy chế quản lý CTR cho toàn tỉnh (địa bàn huyện, thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở y tế) trình UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở cho công tác quản lý.

- Chủ trì thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt khung giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTR trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu, đề xuất thực hiện các chính sách ưu đãi trong việc thu hút đầu tư đối với các dự án đầu tư xử lý CTR thông thường, chất thải nguy hại theo quy định hiện hành; xây dựng chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư cho các tổ chức tham gia thu gom, vận chuyển, xử lý CTR trên địa bàn toàn tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trình UBND tỉnh ban hành Quy chế đấu thầu hoặc đặt hàng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTR trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tham mưu bố trí vốn ngân sách cho các kế hoạch quản lý CTR đã được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại, chủ quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về chỉ tiêu thu gom và xử lý CTR và chất thải nguy hại.

- Tham mưu với UBND tỉnh việc triển khai thực hiện Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ TNMT ban hành về quản lý chất thải nguy hại; tham mưu UBND tỉnh cấp Giấy phép quản lý chất thải nguy hại theo quy định...

- Chủ trì chương trình phân loại CTR tại nguồn.

- Hàng năm lập báo cáo tổng hợp tình hình quản lý CTR bao gồm: CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp, CTR y tế và CTR nguy hại trên toàn tỉnh; báo cáo HĐND và UBND tỉnh.

- Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về môi trường tại các trạm trung chuyển, khu xử lý CTR toàn tỉnh.

4. Sở Tài chính:

- Đề xuất bố trí kinh phí, đề xuất triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về: đất đai, thuế, đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào công trình và vay vốn tín dụng đầu tư của nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng các khu xử lý CTR, chất thải nguy hại theo quy hoạch.

- Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành khung phí vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Y tế:

- Hướng dẫn và tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 31/11/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý CTR y tế.

- Theo dõi, thống kê lượng chất thải nguy hại từ ngành y tế, giám sát, đánh giá và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh các chỉ tiêu về thu gom, xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Thẩm định các công nghệ, thiết bị xử lý, tái chế CTR trên địa bàn tỉnh;

- Thẩm định các công nghệ xử lý CTR nguy hại trên địa bàn tỉnh.

7. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Phối hợp với Thanh tra môi trường, Cảnh sát môi trường để thanh tra và xử lý các trường hợp vi phạm quy định bảo vệ môi trường trong lĩnh vực CTR tại khu công nghiệp.

8. UBND các huyện, thị xã:

- Chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về vệ sinh môi trường trên địa bàn, trong đó có CTR; chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở thu mua phế liệu và các doanh nghiệp trên địa bàn theo phân cấp.

- Lập kế hoạch đóng cửa các bãi rác tạm gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

- Xây dựng đơn giá dịch vụ thu gom, xử lý CTR trên địa bàn quản lý, đề nghị Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các ngành chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra, phát hiện và kịp thời xử lý theo thẩm quyền đối với những hành vi vi phạm pháp luật

về bảo vệ môi trường, hoạt động thu gom, xử lý CTR thông thường và các bãi chôn lấp không đúng quy định trên địa bàn.

9. Công an tỉnh (Cảnh sát môi trường): Kiểm tra, xử lý hành chính công tác vi phạm pháp luật về môi trường; tiến hành hoạt động điều tra đối với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường; kiểm định tiêu chuẩn môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký././ *hac*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c) ;
- PCT : + Đ/c Nguyễn Bốn ;
+ Đ/c Nguyễn Đức Luyện ;
- Các PCVP UBND tỉnh ;
- Lưu : VT, NN, CNXD(Vĩnh).

24

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: **013303** Quyền số: **2** CP/CT/SCT/SGT

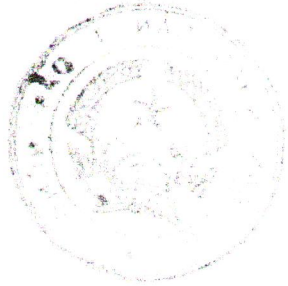
Ngày: **27-12-2013**

UBND PHƯỜNG NGHĨA ĐỨC

P. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lê Huyền

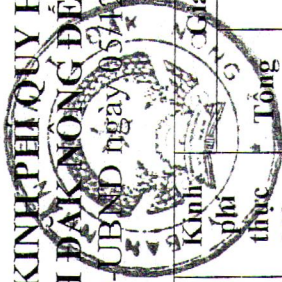


Phụ lục:

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TRÙ KINH PHÍ QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

TỈNH ĐẮK NÔNG ĐẾN NĂM 2025 *học*

(Kèm theo Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)



STT	Tên dự án	Giai đoạn đến 2017					Giai đoạn đến 2025				
		Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Tổng (triệu đồng)	Vốn NS (TƯ+ĐP)	Vốn DN (XH hóa)	Vốn vay + ODA	Tổng (triệu đồng)	Vốn NS (TƯ+ĐP)	Vốn DN (XH hóa)	Vốn vay + ODA	
1	Tuyên truyền nâng cao năng lực quản lý, nâng cao nhận thức cộng đồng	300	300	300			-				
2	Xây dựng, thử nghiệm và nhân rộng mô hình phân loại, tái chế CTR bằng phương pháp compost (1)	2.400	2.400	2.400			-				
3	Hoàn thiện thí điểm công nghệ, hỗ trợ xã hội hóa công tác xử lý CTR	500	500	500			-				
4	Nâng cao năng lực phân loại CTR tại nguồn, tái chế CTR	2.500	1.000	1.000			1.500				
5	Nâng cao năng lực thu gom, vận chuyển CTR	20.000	4.000		4.000		16.000				
6	Khu xử lý CTR Xã Đắk Nĩa thị xã Gia Nghĩa (2)	40.000	40.000			40.000					
7	Khu xử lý CTR Xã Buôn Choah huyện Krông Nông	18.000	8.000	8.000			10.000				
8	Khu xử lý CTR Xã Cư Knia huyện Cư Jút	20.000	10.000	10.000			10.000				
9	Khu xử lý CTR Xã Nam Njang huyện Đắk Song	15.000	8.000	8.000			7.000				
10	Khu xử lý CTR Xã Đắk Lao Huyện Đắk Mil	50.000	15.000	15.000			35.000		35.000		
11	Khu xử lý CTR Thị trấn Kiến Đức -H. Đắk R'Lấp	50.000	15.000	15.000			35.000		35.000		
12	Bãi chôn lấp CTR Xã Quảng Khê -H. Đắk Glong	15.000	8.000	8.000			7.000				
13	Khu xử lý CTR Xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức	15.000	8.000	8.000			7.000				
14	Khu xử lý CTR Xã Đắk Ha huyện Đắk Glong (3)	7.000	7.000		7.000		-				
15	Khu xử lý CTR Khu TT huyện Đắk RLấp (dự kiến)	20.000					20.000				
16	Khu xử lý CTR Khu TT huyện Đắk Mil (dự kiến)	20.000					20.000				
17	Cải tạo, sửa chữa các Lò đốt CTR y tế nguy hại	1.800	1.800	1.800			-				
18	Lò đốt CTR nguy hại BV Tuy Đức	1.200	1.200	1.200			-				

19	Lò đốt CTR nguy hại BV Đắc Glong	1.200	1.200	1.200									
20	Lò đốt CTR nguy hại BV Đức Xuyên	1.500											
21	Lò đốt CTR nguy hại BV Đắc Mil (dự kiến)	1.500											
22	Lò đốt CTR nguy hại BV Đắc R Lấp (dự kiến)	1.500											
23	Nhà máy xử lý CTR thành chất đốt Công nghiệp (4)	33.600	15.000										
24	Nhà máy xử lý CTR tại xã Đắc Nĩa, Gia Nghĩa (5)	50.000	20.000										
25	Nhà máy xử lý CTR tại xã Buôn Chóá, Krông Nô (6)	40.000	15.000										
26	Nhà máy xử lý chất thải nguy hại tại xã Đắc Rừ, Đắc R Lấp (7)	30.000	15.000										
		458.000	196.400	80.400	76.000	40.000	261.600	87.000	104.600	70.000			

- (1) Dự án từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện
- (2) Dự án từ nguồn vốn ODA do Công ty CP Cấp nước và PTĐT Đắc Nông thực hiện
- (3) Dự án từ nguồn vốn xã hội hóa của Công ty TNHH MTV Vận tải khách Quốc Long thực hiện
- (4) Dự án từ nguồn vốn xã hội hóa của Công ty TNHH VSMIT Phú Lợi thực hiện
- (5) Dự án từ nguồn vốn xã hội hóa của Công ty CP PTKH & CNMT
- (6) Dự án từ nguồn vốn xã hội hóa của Công ty CP DTXD An Thịnh Phát Đắc Nông
- (7) Dự án từ nguồn vốn xã hội hóa của Công ty TNHH KHCCN-MT Quốc Việt thực hiện